



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.13.01.2025

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM**



**I. Thông tin mẫu:**

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

03.01.25.A1 (M1): Vòi phát Xí nghiệp Nước Thành Phố

03.01.25.A2 (M2): Công ty CPTM Dược VTYT Khải Hà - Số 2A - Lý Bôn - Tiền Phong - TPTB

03.01.25.A3 (M3): GEĐỒ Thanh Bình - Số 38 - Lê Thánh Tông - Tổ 2 - Bò Xuyên - TPTB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Thành Phố

5. Địa chỉ: Số 02 - Đường Trần Thủ Độ - Phường Tiền Phong - Thành Phố Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Nguyễn Thị Tươi

7. Ngày nhận mẫu: 03/01/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 03/01/2025

**II. Kết quả phân tích:**

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025	11	6	7	Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	6.59	6.63	6.76	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.714	0.746	0.759	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021	0.55	0.43	0.3	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008	0.02	< 0.02	< 0.02	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149	0.013	0.014	0.013	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996	135	125	150	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni	Method 8038	< 0.02	< 0.02	< 0.02	mg/L	0.3

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.13.01.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ tính theo N)	Method 8507	0.005	0.004	0.005	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate ( $\text{SO}_4^{2-}$ )	Method 8051	10	9	9	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0.42	0.34	0.42	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua	TCVN 6194:1996	7.29	6.56	8.02	mg/L	250 hoặc 300

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCĐP 01: 2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (***)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú: KPH – không phát hiện.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Đức**

**TRƯỞNG PHÒNG KH-KT**

**Nguyễn Trung Kiên**

Thái Bình, ngày 13 tháng 01 năm 2025

**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**

**Phùng Thị Thu Hà**

- Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.  
2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.  
3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.  
4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.